

Bản án số: 22/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 11 năm 2021
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Trâm
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Gia Cát
Bà Lê Minh Hiền
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*
Ông Bùi Hồng Nam – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/6/2021 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thanh T** – SN 1976

Địa chỉ: 10C S, phường V, thành phố N, tỉnh K.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn V** - SN 1989

Địa chỉ thường trú: Himejishi Hanadacho-Ogawa - 204-50, thành phố Himeji, tỉnh Hyogo, N.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2021, bản tự khai ngày 21/9/2021, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn V tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Văn phòng hành chính thành phố Himeji, tỉnh Hyogo, Nhật bản vào ngày 08/10/2013 và được ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống cả hai xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi do khác biệt về quan điểm sống và tính cách. Gia đình hai bên cố gắng giúp đỡ, hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa bà và ông V không thể giải quyết được. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn ông V. Về con chung và tài sản chung, không có.

Tại bản tự khai ngày 13/7/2021, bị đơn ông Huỳnh Văn V trình bày: Năm 2013, ông kết hôn với bà Phạm Thị Thanh T, có đăng ký kết hôn tại Văn phòng hành chính Himeji, tỉnh Hyogo, Nhật bản vào ngày 08/10/2013 và được ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn. Ông thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn kinh cái do khác biệt về quan điểm sống. Sau khi bà T về Việt Nam sinh sống, ông ở lại Nhật Bản thì giữa ông và bà T không còn liên lạc với nhau. Nay, bà T yêu cầu được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, không có.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn cũng đã có bản tự khai đồng ý ly hôn và có đơn đề nghị hòa giải xét xử vắng mặt. Bản tự khai, đơn đề nghị hòa giải, xét xử vắng mặt đều được Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản chứng thực theo quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Văn V. Theo trích lục ghi chú kết hôn hiện ông Huỳnh Văn V đang sống tại Nhật Bản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T và bị đơn ông Huỳnh Văn V đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn V tự nguyện kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn ngày 08/10/2013 tại Văn phòng hành chính thành phố Himeji, tỉnh Hyogo, Nhật bản (theo trích lục ghi chú kết hôn ngày 20/4/2021) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi do tính cách, quan điểm sống không phù hợp. Nay, nguyên đơn bà Thúy yêu cầu được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn ông V cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Án phí: Bà Phạm Thị Thanh T phải nộp án phí 300.000đ HNGĐ-ST.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Điều 147, Điều 153, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án..

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị Thanh T được ly hôn ông Huỳnh Văn V.*

2. Về con chung và tài sản chung: Đương sự khai không có nên không giải quyết.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009762 ngày 25/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu chi phí gửi bản án.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn ở nước ngoài và vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Đương sự
- Lưu AV, HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Trâm